

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 9 - 2024.
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú

Bà Mai Lương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/qĐST-HNGĐ ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Nguyễn Bảo T**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: **Số I, đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: **Số I, đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà **Phạm Nguyễn Bảo T** thì: Bà **T** và ông **Nguyễn Đình Q** đăng ký kết hôn vào năm 2002, tại **Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại **số I, đường H, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông **Q** có nhiều

mối quan hệ khác giới bên ngoài, bà cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Q không thay đổi. Ngoài ra còn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái. Hiện tại ông bà vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Quốc K, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đình Bảo K1, sinh ngày 25/11/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con bà và ông Q sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Đình Q thì: Ông Q thống nhất với ý kiến của bà T đã trình bày về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống của vợ chồng. Cuộc sống chung của ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2023, nhưng mâu thuẫn không có gì lớn. Bà T cho rằng ông có nhiều mối quan hệ khác giới bên ngoài thì thực tế thì đây chỉ là những mối quan hệ bạn bè xã hội, không phát sinh tình cảm nam nữ. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông có mong muốn được đoàn tụ vì ông có thể thay đổi bản thân để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái trưởng thành hơn.

Về con chung: Ông Q xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Quốc K, sinh ngày 25/11/2007 và Nguyễn Đình Bảo K1, sinh ngày 25/11/2007. Hiện nay hai con đang ở với vợ chồng. Trường hợp ly hôn thì ông tôn trọng nguyện vọng của các con, con có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con thì cả hai bên cùng có trách nhiệm với con cái và ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Q, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình Q và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà và ông Q tự thỏa thuận. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà **Phạm Nguyễn Bảo T**. Cho bà **T** và ông **Q** được ly hôn. Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Đình Quốc K**, sinh ngày 25/11/2007 và **Nguyễn Đình Bảo K1**, sinh ngày 25/11/2007 cho bà **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập, xem xét. Về tài sản chung bà **T** tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét. Về nợ chung bà **T** xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà **Phạm Nguyễn Bảo T** yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **Nguyễn Đình Q**, nơi cư trú: **Số I, đường N, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông **Nguyễn Đình Q** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tiến hành xét xử vắng mặt ông **Q**.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà **T** và ông **Q** có đăng ký kết hôn năm 2002, tại **Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà **T** và ông **Q** là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà **T** và ông **Q** hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà **T** nguyên nhân mâu thuẫn do ông **Q** có nhiều mối quan hệ khác giới bên ngoài, bà cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông **Q** không thay đổi. Ngoài ra còn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái. Theo ông **Q** thì nguyên nhân mâu thuẫn không

có gì lớn, ông có nhiều mối quan hệ khác giới bên ngoài nhưng thực tế thì đây chỉ là những mối quan hệ bạn bè xã hội, không phát sinh tình cảm nam nữ. Bà **T** xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông **Q** nên yêu cầu giải quyết ly hôn; ông **Q** có yêu cầu đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, vào tháng 4 năm 2023, bà **T** đã gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **Q** nhưng đến tháng 7/2023 thì rút đơn về đoàn tụ, Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 154/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023. Tuy nhiên, từ khi rút đơn ly hôn đến nay thì cuộc sống chung của ông bà cũng không hạnh phúc, ông **Q** vẫn không thay đổi nên bà **T** gửi đơn ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông **Q**. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **Q** là trầm trọng, phát sinh trong một thời gian dài mà không thể giải quyết, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà **T** và ông **Q** là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc nên bà **T** yêu cầu giải quyết ly hôn với ông **Q** là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Bà **T**, ông **Q** xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Đình Quốc K**, sinh ngày 25/11/2007 và **Nguyễn Đình Bảo K1**, sinh ngày 25/11/2007. Bà **T** có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Ông **Q** tôn trọng nguyện vọng của các con. Xét thấy, cháu **Quốc K** và cháu **Bảo K1** đều có nguyện vọng ở mẹ nên giao hai con cho bà **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con bà **T** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập, xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà **T**, ông **Q** xác định tự thoả thuận nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà **T**, ông **Q** xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bà **Phạm Nguyễn Bảo T** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Nguyễn Bảo T** về việc “Ly hôn” với ông **Nguyễn Đình Q**. Bà **Phạm Nguyễn Bảo T** và ông **Nguyễn Đình Q** được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao hai con chung là **Nguyễn Đình Quốc K**, sinh ngày 25/11/2007 và **Nguyễn Đình Bảo K1**, sinh ngày 25/11/2007 cho bà **Phạm Nguyễn Bảo T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên theo quy định của pháp luật.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà **Phạm Nguyễn Bảo T** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà **T** đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000827 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà **T** đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà **T** có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông **Q** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 1, Tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Vân Anh

